TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2024/QĐST-HNGĐ	*BL, ngày 06 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 26/9/1997; Nơi cư trú: xóm CL, xã CP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Nông Văn Q, sinh ngày 12/5/1993; Nơi cư trú: xóm NH, xã ĐH, huyện BL, Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Nông Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nông Văn Q thỏa thuận nhất trí ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H và anh Q xác nhận có 02 người con chung là chung là Nông Tiến Đ, sinh ngày 27/10/2013 và Nông Thị T, sinh ngày

21/5/2015. Anh Nông Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nông Tiến Đ và cháu Nông Thị T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Anh Q để nuôi con chung Nông Thị T, sinh ngày 21/5/2015 số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có.

2.6. Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thị H và anh Nông Văn Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Chị H đã tự nguyện nộp thay án phí cho Anh Q 75.000 đồng. Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. (Xác nhận Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003585, ngày 01/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng).

Các đương sự đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện BL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện BL;
- UBND xã ĐH (Để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim